



Member of  **Kreston International**
A worldwide network of independent accountants

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ
PHÁT TRIỂN NHÀ VÀ ĐÔ THỊ NAM HÀ NỘI

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 01/01/2010 ĐẾN NGÀY 30/06/2010

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH
THÀNH VIÊN HÀNG KIỂM TOÁN QUỐC TẾ KRESTON INTERNATIONAL
AUDIT AND FINANCIAL CONSULTING LIMITED COMPANY AND ASSOCIATES
Member of Kreston International

Kiểm toán/Audit ■ Thuế/Tax ■ Tư vấn/Consulting ■ Tài chính doanh nghiệp/Corporate Finance ■

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ
PHÁT TRIỂN NHÀ VÀ ĐÔ THỊ NAM HÀ NỘI

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 01/01/2010 ĐẾN NGÀY 30/06/2010



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KẾT QUẢ SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 - 16



TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NHÀ VÀ ĐÔ THỊ NAM HÀ NỘI
Cụm Công nghiệp Cầu Giát, Duy Tiên, Hà Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị Nam Hà Nội (gọi tắt là "Tổng Công ty") đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được soát xét của Tổng Công ty cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 06 năm 2010.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc của Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty trong suốt giai đoạn và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Minh Hoàn	Chủ tịch
Ông Nguyễn Hồng Thái	Thành viên
Ông Cù Đức Ngọc	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Minh Hoàn	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hồng Thái	Phó Tổng Giám đốc

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Tài chính - *Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Kreston International.*

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính từ trang 3 đến trang 16, phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 06 năm 2010. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không; và
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



Nguyễn Minh Hoàn
Tổng Giám đốc
Hà Nam, ngày 09 tháng 08 năm 2010



Member of Kreston International

CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH

Trụ sở chính:
P: 1501, Tầng 15, Toà nhà 17T-1
Trung Hoà - Nhân Chính, Hà Nội
Tel: (84 4) 6 2811 488
Fax: (84 4) 6 2811 499
E-mail: acagroup@viettel.vn
www.acagroup.com.vn

Số. 157/BCKT 2010

**BÁO CÁO KẾT QUẢ
CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH**
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị Nam Hà Nội**

Chúng tôi đã tiến hành soát xét Bảng Cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2010 cùng với các Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị Nam Hà Nội (gọi tắt là "Tổng Công ty") cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 06 năm 2010. Các Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 1, Ban Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính từ trang 3 đến trang 16. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét của các Báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Do đây là năm đầu tiên Tổng Công ty thực hiện lập và soát xét Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01 đến ngày 30/06 hàng năm, nên không trình bày số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Tổng Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; Công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 30/06/2010, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010 phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan



Chu Quang Tùng
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1022/KTV

Nguyễn Hoàng Dũng
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1106/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH
Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Kreston International
Hà Nội, ngày 09 tháng 08 năm 2010



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 30 tháng 06 năm 2010

MẪU B 01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2010	31/12/2009
A – TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		29.066.430.556	18.986.565.467
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	231.127.595	11.208.907.267
1. Tiền	111		231.127.595	11.208.907.267
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
III. Phải thu ngắn hạn	130		27.780.300.520	3.936.594.468
1. Phải thu khách hàng	131		18.028.947.409	3.936.594.468
2. Trả trước cho người bán	132		9.751.353.111	-
IV. Hàng tồn kho	140	5.2	1.055.002.441	3.841.063.732
1. Hàng tồn kho	141		1.055.002.441	3.841.063.732
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
B – TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)	200		62.872.857.144	55.036.018.748
II. Tài sản cố định	220		27.060.646.644	26.660.691.748
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.3	10.710.046.531	11.181.159.026
- Nguyên giá	222		12.635.858.284	12.772.878.013
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.925.811.753)	(1.591.718.987)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	5.4	16.350.600.113	15.479.532.722
III. Bất động sản đầu tư	240	5.5	21.312.210.500	17.875.327.000
- Nguyên giá	241		21.312.210.500	17.875.327.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		14.500.000.000	10.500.000.000
3. Đầu tư tài chính dài hạn khác	258	5.6	14.500.000.000	10.500.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		-	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	-
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		91.939.287.700	74.022.584.215

CÔNG TY
 ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NHÀ VÀ ĐÔ THỊ
 NAM HÀ NỘI
 HÀ NAM

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
 Tại ngày 30 tháng 06 năm 2010

Mẫu B 01-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2010	31/12/2009
A - NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		18.524.758.200	26.531.924.080
I. Nợ ngắn hạn	310		18.524.758.200	24.531.924.080
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.7	-	600.000.000
2. Phải trả người bán	312		11.058.071.991	15.866.647.314
3. Người mua trả tiền trước	313		6.585.589.971	5.664.857.368
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.8	878.274.129	2.400.876.625
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		2.822.109	(457.227)
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	2.000.000.000
4. Vay và nợ dài hạn	334	5.9	-	2.000.000.000
B - NGUỒN VỐN (400=410+430)	400		73.414.529.500	47.490.660.135
I. Nguồn vốn chủ sở hữu	410		73.414.529.500	47.490.660.135
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	5.10	58.900.000.000	39.100.000.000
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	5.11	14.514.529.500	8.390.660.135
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+ 400)	440		91.939.287.700	74.022.584.215



Nguyễn Minh Hoàn
 Tổng Giám đốc
 Hà Nam, ngày 09 tháng 08 năm 2010


Đặng Kiều Anh
 Kế toán trưởng

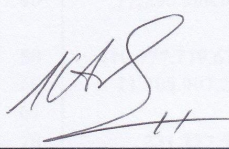
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 06 năm 2010

MẪU B 02-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.12	24.499.824.119
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-
3. Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		24.499.824.119
4. Giá vốn hàng bán	11	5.13	14.332.221.635
5. Lợi nhuận gộp từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		10.167.602.484
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.14	6.064.752
7. Chi phí tài chính	22	5.14	14.000.000
8. Chi phí bán hàng	24		-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		1.994.508.083
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20+(21-22)-(24+25))	30		8.165.159.153
11. Thu nhập khác	31		-
12. Chi phí khác	32		-
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		-
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		8.165.159.153
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.15	2.041.289.788
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		6.123.869.365
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.16	1.071




Nguyễn Minh Hoàn
Tổng Giám đốc
Hà Nam, ngày 09 tháng 08 năm 2010


Đặng Kiều Anh
Kế toán trưởng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 (Theo phương pháp gián tiếp)

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 06 năm 2010

MẪU B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
1. Lợi nhuận trước thuế	01	8.165.159.153
2. Điều chỉnh cho các khoản		
- Khấu hao TSCĐ	02	334.092.766
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	8.499.251.919
- (Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	(15.487.151.300)
- (Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	2.786.061.291
- Tăng/(Giảm) các khoản phải trả	11	(13.376.622.700)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(3.743.259.363)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	6.064.752
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(14.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(21.329.655.401)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(6.848.124.271)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(6.848.124.271)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu và nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	19.800.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(2.600.000.000)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	17.200.000.000
Tăng/giảm lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(10.977.779.672)
Tiền và các khoản tương đương tiền tồn đầu năm	60	11.208.907.267
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61	-
Tiền và các khoản tương đương tiền tồn cuối năm	70	231.127.595



Nguyễn Minh Hoàn
 Tổng Giám đốc
 Hà Nam, ngày 09 tháng 08 năm 2010

Đặng Kiều Anh
 Kế toán trưởng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09 - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị Nam Hà Nội (gọi tắt là “Tổng Công ty”) thành lập theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0700.222.689 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hà Nam cấp, Đăng ký lần đầu ngày 25 tháng 01 năm 2010 trên cơ sở chuyển đổi tên gọi từ Công ty Cổ phần Thành Mỹ.

Vốn Điều lệ theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0700.222.689 của Tổng Công ty là 58.900.000.000 đồng.

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Xây dựng công trình: Dân dụng (xây dựng nhà ở, công trình văn hóa, thể thao, siêu thị ...); Công nghiệp; Giao thông (cầu, đường, cống ...); Thủy lợi, xây dựng các công trình điện lực (đường dây và trạm biến áp có điện áp từ 35Kv trở xuống); Lắp đặt trang thiết bị cho các công trình xây dựng. Đầu tư xây dựng hạ tầng các khu công nghiệp, đô thị và dân cư (4100, 42102, 4290); San lấp và chuẩn bị mặt bằng (431); Khai thác đá, đất, cát, sỏi (0810); Chế biến đá; Mua bán vật liệu xây dựng (gạch, ngói, xi măng, đá, cát, sỏi ...) (46632, 46633); Mua bán hàng trang trí nội ngoại thất (46636); Mua bán sắt thép (46622); Mua bán vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (46639); Kinh doanh: xăng, dầu, gas, khí hóa lỏng (46613); Mua bán đá mỹ nghệ; Sản xuất sản phẩm từ bê tông, sản xuất bê tông đúc sẵn, ống, cột bê tông, cọc bê tông cốt thép và cấu kiện bê tông khác (23950); Vận tải hàng hóa bằng đường thủy (5022) và đường bộ (4933); Sản xuất kinh doanh chế biến hàng lâm sản (1610, 162); Cho thuê máy móc, thiết bị thi công công trình (77302); Kinh doanh bất động sản, kinh doanh siêu thị và cho thuê văn phòng (68100); Kinh doanh du lịch và các dịch vụ du lịch (7911, 7912, 7920); Kinh doanh khách sạn, nhà khách, nhà nghỉ, dịch vụ lưu trú ngắn ngày (5510); Mua bán hàng kim khí, điện máy, máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện) (46592); Kinh doanh xuất nhập khẩu hàng hóa; Đại lý mua bán gửi hàng hóa (46101).

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ VÀ KỶ KẾ TOÁN

2.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

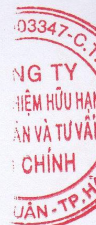
2.2 Kỳ kế toán

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính này được lập cho giai đoạn từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010.

3. ÁP DỤNG CÁC CHUẨN MỰC KẾ TOÁN

Tổng Công ty áp dụng Chế độ kế toán Doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tổng Công ty đã thực hiện các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước ban hành. Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.



4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

4.1 Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao để dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

4.3 Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

4.5 Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	-
Máy móc thiết bị	8 - 10
Phương tiện vận tải	8 - 10
Thiết bị quản lý	8

4.6 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

4.7 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà xưởng vật kiến trúc do Tổng Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

4.8 Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ, các chi phí khác có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng hai năm theo các quy định kế toán hiện hành.

4.9 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

4.10 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

4.11 Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Bảng Cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được kế toán theo phương pháp dựa trên Bảng Cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận lãi, lỗ trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU B 09 - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN,
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/06/2010 VND	31/12/2009 VND
Tiền mặt	39.536.092	11.200.507.102
Tiền gửi Ngân hàng	191.591.503	8.400.165
Tiền đang chuyển	-	-
Cộng	<u>231.127.595</u>	<u>11.208.907.267</u>

5.2 Hàng tồn kho

	30/06/2010 VND	31/12/2009 VND
Hàng mua đang đi đường	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	113.718.000	144.444.201
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	941.284.441	3.696.619.531
Thành phẩm	-	-
Hàng hóa	-	-
Cộng	<u>1.055.002.441</u>	<u>3.841.063.732</u>

2003
ÔNG
NHIỆM
TOÁN V
TÀI CH
XUÂN

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NHÀ VÀ ĐÔ THỊ NAM HÀ NỘI

Cụm Công nghiệp Cầu Giát, Duy Tiên, Hà Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Báo cáo tài chính

Cho giai đoạn từ 01/01/2010 đến 30/06/2010

MÁU B 09 - DN

5.3 Tài sản cố định hữu hình

	Nhà xưởng, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Cộng VND
NGUYỄN GIÁ					
Tại ngày 31/12/2009	2.400.000.000	2.833.218.210	7.372.744.131	166.915.672	12.772.878.013
Tăng trong kỳ	-	1.817.081.818	383.353.909	62.544.544	2.262.980.271
Mua trong kỳ	-	1.817.081.818	383.353.909	62.544.544	2.262.980.271
Tăng khác	-	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	2.400.000.000	-	-	-	2.400.000.000
Chuyển bất động sản đầu tư	2.400.000.000	-	-	-	2.400.000.000
Tại ngày 30/06/2010	-	4.650.300.028	7.756.098.040	229.460.216	12.635.858.284
GIÁ TRỊ HAO MÒN LUY KẾ					
Tại ngày 31/12/2009	-	646.721.518	927.011.120	17.986.349	1.591.718.987
Tăng trong kỳ	-	98.885.951	229.987.955	5.218.860	334.092.766
Trích khấu hao	-	98.885.951	229.987.955	5.218.860	334.092.766
Tăng khác	-	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Tại ngày 30/06/2010	-	745.607.469	1.156.999.075	23.205.209	1.925.811.753
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 31/12/2009	2.400.000.000	2.186.496.692	6.445.733.011	148.929.323	11.181.159.026
Tại ngày 30/06/2010	-	3.904.692.559	6.599.098.965	206.255.007	10.710.046.531



TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NHÀ VÀ ĐÔ THỊ NAM HÀ NỘI

Cụm Công nghiệp Cầu Giát, Duy Tiên, Hà Nam

Báo cáo tài chính

Cho giai đoạn từ 01/01/2010 đến 30/06/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU B 09 - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

5.4 Xây dựng cơ bản dở dang

	30/06/2010 VND	31/12/2009 VND
Trạm trộn Bê tông Hoàng Đông	3.942.943.274	3.874.569.941
Công trình Cầu Giát	12.407.656.839	11.604.962.781
Cộng	16.350.600.113	15.479.532.722

5.5 Bất động sản đầu tư

	30/06/2010 VND	31/12/2009 VND
Khu đô thị mới Hòa Mạc	18.912.210.500	17.875.327.000
Nhà làm việc	2.400.000.000	-
Cộng	21.312.210.500	17.875.327.000

5.6 Đầu tư tài chính dài hạn khác

	30/06/2010 VND	31/12/2009 VND
Góp vốn liên doanh vào Nhà máy gạch Lý Nhân	14.500.000.000	10.500.000.000
Cộng	14.500.000.000	10.500.000.000

5.7 Vay và nợ ngắn hạn

	30/06/2010 VND	31/12/2009 VND
Vay ngắn hạn Ngân hàng Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nam	-	600.000.000
Hợp đồng tín dụng số 01/08/HĐ ngày 22/08/2008 tổng số tiền vay là 4.000.000.000 đồng, phục vụ xây dựng Công trình san lấp mặt bằng khu đất đấu giá quyền sử dụng đất Xã Châu Giang - Duy Tiên - Hà Nam. Thời hạn vay là 12 tháng kể từ ngày 01/03/2009 đến ngày 16/03/2010, lãi suất trong hạn là 10,2%/năm, lãi suất cho vay được điều chỉnh thay đổi 3 tháng 1 lần bằng lãi suất huy động tiết kiệm có kỳ hạn 06 tháng trả lãi sau + biên độ 4,2% năm nhưng không vượt quá 150%, lãi suất cơ bản do NHNN công bố tại thời điểm điều chỉnh, lãi suất quá hạn bằng 50% lãi suất trong hạn. Tiền lãi được trả vào thời điểm 25 hàng tháng.		
Cộng	-	600.000.000



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU B 09 - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

5.8 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	30/06/2010 VND	31/12/2009 VND
Thuế giá trị gia tăng	15.078.512	5.786.847
Thuế thu nhập doanh nghiệp	853.919.617	2.376.832.878
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	18.256.900
Thuế tài nguyên	1.546.000	-
Phí môi trường	7.730.000	-
Cộng	878.274.129	2.400.876.625

5.9 Vay và nợ dài hạn

	30/06/2010 VND	31/12/2009 VND
Hợp đồng tín dụng số 01/HĐTD ngày 29/11/2007 giữa Ngân hàng Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nam, số tiền cho vay 9.000.000.000 đồng. Phương thức vay theo dự án đầu tư, mục đích sử dụng tiền vay: Thanh toán tiền nhân công, tiền mua vật tư, tiền mua máy móc thiết bị và các chi phí khác để xây dựng xí nghiệp sản xuất kinh doanh VLXD và cơ khí. Thời hạn cho vay 84 tháng (kể từ ngày giải ngân lần đầu); Thời hạn rút vốn 6 tháng (từ ngày 29/11/2007 đến ngày 29/5/2008); Thời gian ân hạn: 12 tháng (từ ngày 29/11/2007 đến ngày 29/11/2008); lãi suất tiền vay: Lãi suất trong hạn 1%/tháng tại thời kỳ ký hợp đồng tín dụng; Lãi suất quá hạn bằng 50% lãi suất trong hạn. Cách tính lãi: Hàng ngày Ngân hàng căn cứ vào số dư thực tế để tính lãi, 03 tháng trả lãi một lần vào ngày 25 hàng tháng. Tài sản thế chấp là tài sản gắn liền với đất theo hợp đồng thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay số 01/HĐTC ngày 27/11/2007, giá trị 18.114.000.000đồng.	-	2.000.000.000
Cộng	-	2.000.000.000

5.10 Vốn chủ sở hữu

CHỈ TIÊU	31/12/2009 VND	Tăng trong kỳ VND	Giảm trong kỳ VND	30/06/2010 VND
I. Nguồn vốn kinh doanh	39.100.000.000	19.800.000.000	-	58.900.000.000
1. Vốn chủ sở hữu	39.100.000.000	19.800.000.000	-	58.900.000.000
2. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	-	-	-	-
II. Các quỹ	-	-	-	-
1. Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-
III. Lợi nhuận chưa phân phối	8.390.660.135	6.123.869.365	-	14.514.529.500
VI. Quỹ khác	-	-	-	-
1. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	-
2. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	-	-	-	-
Cộng	47.490.660.135	25.923.869.365	-	73.414.529.500

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU B 09 - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

5.10 Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

Chi tiết Vốn chủ sở hữu

Tại thời điểm 30/06/2010, theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh, tổng số vốn Điều lệ của Tổng Công ty là 58.900.000.000 đồng đã được các cổ đông góp đủ. Cơ cấu vốn cụ thể như sau:

Cổ đông	Cơ cấu sở hữu			Trong đó		Giá trị vốn tại 30/06/2010 VND
	Số cổ phần	Tỷ lệ %	Giá trị VND	Cổ phần phổ thông	Cổ phần ưu đãi	
Nguyễn Minh Hoàn	658.000	11,17	6.580.000.000	658.000	-	6.580.000.000
Nguyễn Xuân Mai	1.000.000	16,98	10.000.000.000	1.000.000	-	10.000.000.000
Đặng Văn Lành	10.000	0,17	100.000.000	10.000	-	100.000.000
Cù Đức Ngọc	12.000	0,20	120.000.000	12.000	-	120.000.000
Nguyễn Hồng Thái	10.000	0,17	100.000.000	10.000	-	100.000.000
Các cổ đông khác	4.200.000	71,31	42.000.000.000	4.200.000	-	42.000.000.000
Cộng	5.890.000	100	58.900.000.000	5.890.000	-	58.900.000.000

Cổ phiếu	30/06/2010 VND	31/12/2009 VND
- Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	5.890.000	3.910.000
- Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	5.890.000	3.910.000
+ Cổ phiếu thường	5.890.000	3.910.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng Cổ phiếu đã mua lại	-	-
+ Cổ phiếu thường	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.890.000	3.910.000
+ Cổ phiếu thường	5.890.000	3.910.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành : 10.000đ/Cổ phiếu		

5.11 Phân phối lợi nhuận

	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND
Lợi nhuận chưa phân phối năm trước chuyển sang	8.390.660.135
Tổng lợi nhuận trước thuế phát sinh trong kỳ	8.165.159.153
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	2.041.289.788
Lợi nhuận sau thuế	6.123.869.365
Phân phối thu nhập	
- Trích lập quỹ dự phòng tài chính	-
- Trích lập quỹ đầu tư phát triển sản xuất	-
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-
Lợi nhuận chưa phân phối	14.514.529.500

02003
 CÔNG
 NH NHIỆP
 TOÁN
 TÀI CH
 XUẤT

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NHÀ VÀ ĐÔ THỊ NAM HÀ NỘI

Cụm Công nghiệp Cầu Giát, Duy Tiên, Hà Nam

Báo cáo tài chính

Cho giai đoạn từ 01/01/2010 đến 30/06/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**MẪU B 09 - DN***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***5.12 Doanh thu**

Từ 01/01/2010
đến 30/06/2010
VND

Doanh thu xây lắp và giải phóng mặt bằng	21.001.055.393
Doanh thu bán hàng hóa	3.498.768.726
Cộng	24.499.824.119

5.13 Giá vốn hàng bán

Từ 01/01/2010
đến 30/06/2010
VND

Giá vốn Hợp đồng xây dựng	12.672.496.461
Giá vốn hàng hóa	1.659.725.174
Cộng	14.332.221.635

5.14 Doanh thu, chi phí tài chính

Từ 01/01/2010
đến 30/06/2010
VND

Lãi tiền gửi, cho vay	6.064.752
Doanh thu hoạt động tài chính	6.064.752
Phí chuyển tiền	14.000.000
Chi phí hoạt động tài chính	14.000.000
Lợi nhuận thuần từ hoạt động tài chính	(7.935.248)

5.15 Thuế thu nhập Doanh nghiệp

Từ 01/01/2010
đến 30/06/2010
VND

Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	8.165.159.153
Các khoản điều chỉnh lợi nhuận để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN	-
Tổng thu nhập chịu thuế	8.165.159.153
Thuế suất thông thường	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	2.041.289.788
Thuế TNDN thực tế phải nộp	2.041.289.788
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	6.123.869.365

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

47-C.
TY
HỮU HẠ
TƯ VẤN
NH
TP. H.

5.16 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Từ 01/01/2010
đến 30/06/2010
VND

+ Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	6.123.869.365
+ Các khoản điều chỉnh lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	
- Các khoản điều chỉnh tăng	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-
+ Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	6.123.869.365
+ Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	5.716.556
+ Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.071

5.17 Các khoản cam kết

Tổng Công ty không có khoản cam kết thuê hoạt động nào tính đến ngày 30 tháng 06 năm 2010.

5.18 Các khoản công nợ tiềm tàng

Tổng Công ty không có khoản công nợ tiềm tàng nào khác cần điều chỉnh hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

5.19 Sự kiện sau ngày khóa sổ

Tổng Công ty không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày 30/06/2010 cần trình bày trên Báo cáo tài chính.

5.20 Số liệu so sánh

Số liệu so sánh được lấy theo Bảng cân đối kế toán của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009. Đây là năm đầu tiên Tổng Công ty thực hiện lập và soát xét Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01 đến ngày 30/06 hàng năm, nên không có số liệu để so sánh trên Báo cáo Kết quả kinh doanh và Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ.



Nguyễn Minh Hoàn
Tổng Giám đốc
Hà Nam, ngày 09 tháng 08 năm 2010

Đặng Kiều Anh
Kế toán trưởng

